TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh N** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông **Tạ Văn Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận P, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

*Bị đơn: Anh Phạm Quốc P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận P, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Phạm Quốc P chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ, anh P ham chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P vẫn không thay đổi. Nay, chị N xác định tình cảm dành cho anh P đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Quốc P.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Thị Tuyết Ng, sinh năm 2000 và Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Quốc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc P và chị Trần Thị Tuyết N chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2000. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Nay, anh P xác định tình cảm dành cho chị N đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh P cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Thị Tuyết Ng, sinh năm 2000 và Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 2011. Khi ly hôn, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Anh P có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N đối với anh Phạm Quốc P; Đình chỉ xét xử về yêu cầu giải quyết con chung do nguyên đơn rút yêu cầu; Về tài sản chung và các vấn đề khác không xem xét do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Quốc P, các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Phạm Quốc P cư trú tại tổ 5, ấp Thuận P, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn hợp lệ. Anh P có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Phạm Quốc P.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Phạm Quốc P chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2000. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không đồng nhất quan điểm sống. Cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Tại biên bản ghi lời khai anh P cũng xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị N xin được ly hôn với anh Phạm Quốc P là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Quốc P là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Thị Tuyết Ng, sinh năm 2000 và Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 224 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Quốc P.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi do chị N rút đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng***)**, chị Trần Thị Tuyết N phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010910, quyển số 0219 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND xã Thuận Phú (Cqđkh);
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

Thành viên Hội đồng xét xử

Lê Quang Thìn – Nguyễn Thành Hạnh

Thẩm phán chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đồng Phú, ngày 04 tháng 7 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 04 tháng 7 năm 2019
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 164/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn: Anh Phạm Quốc P, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 224 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Quốc P.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng***)**, chị Trần Thị Tuyết N phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010910, quyển số 0219 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ .... phút cùng ngày. Đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán chủ toạ phiên toà**
Lê Quang Thìn – Nguyễn Thành Hạnh	**Nguyễn Thị Hương**